

Bản án số: 405/2022/DS-PT

Ngày: 20-6-2022

V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng đất
cho mượn, cho ở nhờ và huỷ giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 405/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 7 năm 2021, về việc “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất cho mượn, cho ở nhờ và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2020/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 735/2022/QĐPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Danh Thị H (tên gọi khác là Hên), sinh năm 1958; Địa chỉ cư trú: 42, ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Quận là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Trung H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ: 278/46/77 Trương Công Định, khóm 5, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Thị C, sinh năm 1941 (vắng mặt)

2. Ông Danh Si N, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: 73, ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bà Thị C: Ông Danh Si N, sinh năm 1983 (có căn cước nêu trên, theo văn bản ủy quyền ngày 22/11/2019).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (cùng vắng mặt):

1. Ông Dương D; Địa chỉ cư trú: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
2. Ông Dương L1; Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
3. Bà Dương Thị Xà M,
4. Ông Dương L2,
5. Bà Dương Thị H (tên gọi khác là Đàng), sinh năm 1991.
Cùng địa chỉ cư trú: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
6. Bà Dương Thị G; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.
7. Ông Danh Q (tên gọi khác là Tòng), sinh năm 1965; Địa chỉ cư trú: 18, Tỉnh lộ 14, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
8. Bà Danh Thị L, sinh năm 1968; Địa chỉ cư trú: 31, ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
9. Ông Tô Văn L, sinh năm 1973.
10. Ông Danh Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1992
11. Bà Danh Thị Bích T (Danh Nguyễn Bích T), sinh năm 1997
Cùng địa chỉ cư trú: 118, Khu vực 12, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của ông Tô Văn L, ông Danh Nguyễn Tuấn V, bà Danh Thị Bích T: Ông Danh Si N, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: 73, ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 08/12/2020).

12. Bà Danh Si M, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: 564/3, khu vực 15, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bà Danh Si M: Ông Danh Si N (có căn cước nêu trên, theo văn bản ủy quyền ngày 08/12/2020).

13. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ trụ sở: ấp Cầu Đồn, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

Người đại diện hợp pháp: Ông Lý Ngọc Thanh L (Văn bản ủy quyền ngày 16/3/2020).

14. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ trụ sở: 53 Hùng Vương, ấp Trà Quýt A, thị trấn Châu Thành, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Đức K (Văn bản ủy quyền ngày 21/8/2020).

- Người làm chứng: Bà Thạch Thị C, sinh năm 1938; Địa chỉ cư trú: 327, ấp Giồng Chùa A, xã An Hiệp, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người phiên dịch:* Bà Sơn Hồng V, công tác tại Báo Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Danh Thị H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/9/2019, bà Danh Thị H trình bày:

Ngày 30/11/1991, bà được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với 06 thửa đất với tổng diện tích là 11.629m², tờ bản đồ số 03, lược đồ giải thửa tỷ lệ là 1/4.700, tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện M (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng. Trong đó, có phần đất thổ cư diện tích 400m², thửa đất số 555^C, nhưng nếu căn cứ vào tỷ lệ lược đồ giải thửa 1/4.700 và diện tích thực tế thì diện tích thửa đất này phải lớn hơn gấp 2,5 lần diện tích ghi trong giấy chứng nhận (400 x 2,5) là khoảng 1.000m², vì khi cấp Giấy chứng nhận cán bộ địa chính không đo đạc thực tế nên có sai số. Trên đất này, thời bấy giờ có 05 căn nhà của anh chị em bà, nên trong giấy ghi “gộp 5 nhà”.

Năm 2002, thấy hoàn cảnh gia đình của bà Thị C và con là Danh Si N khó khăn, không có chỗ ở, bà cho ở nhờ phía sau nhà bà trên thửa đất thổ cư số 555^C (giáp thửa đất số 528 của bà Hàng Thị L và thửa đất số 1905 của bà Danh Thị V). Đến năm 2006, bà Thị C xây dựng nhà kiên cố ngang nhà bà (cấp lộ Bung Tróp B), bà khiếu nại nhờ chính quyền địa phương can thiệp không cho bà Thị C ở trên đất bà nữa, thì mới biết bà Thị C đã được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận số 2323/QSDĐ/QĐ.UBND ngày 13/5/2003, thửa đất số 1811 (555), tờ bản đồ số 03, diện tích 396m² (300m² T + 96m² LN).

Từ năm 2006 đến nay, bà khiếu nại liên tục nhưng không được cơ quan có thẩm quyền giải quyết thỏa đáng vì cho rằng bà Thị C ở trên đất gốc của bà Thị C và đã được cấp giấy chứng nhận, nên bà khiếu nại không có căn cứ. Điều này cơ quan có thẩm quyền nói chưa đúng do giấy chứng nhận của bà Thị C được cấp trên cơ sở đất gốc của bà, vì:

Trong đơn đăng ký ngày 17/3/2003 của bà Thị C ghi ý kiến của UBND xã An Hiệp là “Đăng ký hợp lệ. Đất gốc của bà Thị C thửa 555, thửa gộp 05 nhà DT 396m²”. Trong biên bản xác minh ranh giới, mốc giới, nguồn gốc thửa đất (không đề ngày) ghi: “Tờ BĐ số 03, số thửa 555, diện tích 396m², loại đất T. Phía đông: Lộ Bung T...09m. Phía tây: Trần R...09m...(chữ ký). Phía nam: Danh Thị V...44m...(chữ ký). Phía bắc: Danh Thị H...44m...(chữ ký). Mô tả mốc, ranh đất: Cột bê tông, không tranh chấp. Nguồn gốc thửa đất (CB xác minh ghi): Đất gốc của bà Thị C thửa gộp 555 (gộp 05 nhà), DT 396m²”.

Bà Thị C làm đơn xác nhận hai tên là một người, ngày 07/3/2003 (trước ngày làm đơn đăng ký QSDĐ là 10 ngày): “Tôi đi đăng ký QSDĐ thổ cư của tôi thì trong hồ sơ địa chính tên là Danh Thị C SN 1941. Nay xin đổi thành tên là Thị C SN 1941 là đúng tên tôi...”.

Trong hồ sơ đăng ký QSDĐ tên Thị C, chữ viết do một người là cán bộ địa chính xã An Hiệp, ông Lý Văn D ghi những điểm quan trọng: BĐ 03, số thửa 555, diện tích 396m², loại đất T. Đất gốc của Bà Thị C thửa 555, thửa gộp

05 nhà. Những điểm căn bản này trùng hợp với Giấy chứng nhận QSDĐ của bà số A 811907 ngày 30/11/1991 như: Tờ bản đồ số 03, số thửa 555^C, diện tích 400m², mục đích sử dụng T, phần ghi thêm gộp 05 nhà. Đất thổ cư nói là của Bà Thị C (khai năm 2003), những điểm căn bản để hợp thức hóa QSDĐ trùng khớp với đất thổ cư của bà (giấy chứng nhận năm 1991); theo bản đồ hiện tại, tên đất gốc thửa số 555 là Danh Thị H1 (tên cha bà là Danh Thị H1), không hề có tên Danh Thị C, Bà Thị C là em dâu bà Danh Thị V (Vương) không hề có đất ở vùng này nên ở đây không có tên Danh Thị C, cũng không có thửa đất số 1811. Đặc biệt, trong biên bản xác minh ranh giới, mốc giới, nguồn gốc thửa đất (không đề ngày) ghi đất bà Thị C giáp ranh phía bắc: Danh Thị H...44m...(chữ ký) là hoàn toàn sai, vì bà không biết chữ, nên nếu phải ký tên thì bà luôn lẫn tay, không biết ký tên bao giờ.

Từ những điểm trình bày trên, chứng minh giấy chứng nhận QSDĐ của hộ Bà Thị C số 2323/QSDĐ/QĐ.UBND do UBND huyện M cấp ngày 13/5/2003, thửa đất số 1811, tờ bản đồ số 03, diện tích 396m² là thiếu cơ sở, vì nguồn gốc trùng khớp thửa số 555^C, tờ bản đồ số 03, diện tích 400m² của bà trong Giấy chứng nhận QSDĐ số A 811907 do UBND huyện M cấp ngày 30/11/1991.

Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Thị C và ông Si N cùng liên đới trả lại cho bà phần đất có diện tích đang sử dụng là 396m², thuộc thửa đất số 1811 (555), tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSDĐ do UBND huyện M (Nay là huyện C) cấp cho hộ bà Thị C ngày 13/5/2003 đối với diện tích 396m², thuộc thửa đất số 1811 (555), tờ bản đồ số 03, tọa lạc như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bà Danh Thị H xác định ông Danh Thị H1 và Danh H cùng một người là cha ruột của bà; phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cha ông Huôi cho ông Huôi (ông Huôi là cha của bà), cho năm nào bà không biết và cha bà tặng cho bà; bà sống trên đất cùng với cha bà từ khi bà được sinh ra cho đến năm 2002 thì bà cho Bà Thị C và ông Si N mượn đất ở nhờ phía sau, không xác định thời gian cho mượn đất ở nhờ, khi nào cần thì đòi lại và không có làm giấy tờ; ngoài ra, theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 555 có diện tích hơn 1.000m² là đất gốc của cha bà và có ghi tên Danh Thị H1, nhưng ghi nhầm, tên đúng của cha bà là Danh Thị H1. Còn về nguồn gốc và diễn biến quá trình sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp thời điểm từ năm 2002 trở về trước và việc bà cho Bà Thị C, ông Si N mượn đất ở nhờ vào năm 2002 chỉ có bà Thạch Thị C biết, không còn ai khác biết; bà yêu cầu tháo dỡ, di dời nhà cửa, vật kiến trúc và cây trồng trên đất trả lại phần đất theo số đo thực tế có diện tích 247,1m².

Theo văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án đề ngày 20/11/2019, bị đơn Bà Thị C trình bày:

Diện tích đất 396m², thuộc thửa đất số 1811, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng mà bà Danh Thị H tranh chấp có nguồn gốc là của cha chồng bà là ông Danh K cho vợ chồng bà từ năm 1959, vợ chồng bà sử dụng liên tục, đến khi chồng bà tên Danh H2 chết, bà tiếp tục sử dụng đến

năm 2003 bà được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận. Năm 2005, bà Thạch Thị H1 lần chiếm một phần đất trong thửa đất số 1811, bà khởi kiện và được TAND huyện M thụ lý, giải quyết buộc bà Hai trả lại đất cho bà. Năm 2010, bà được Nhà nước hỗ trợ cất căn nhà tình thương, bà Danh Thị H ở kế bên cũng biết nhưng không hề có tranh chấp gì. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Danh Thị H bà không chấp nhận và đề nghị Tòa án giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của bà Danh Thị H.

Tại phiên tòa, ông Si N là bị đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của Bà Thị C cho rằng cha mẹ ông Danh H3 đều đã chết, ông Danh H3 với bà Thị C không có con riêng, con nuôi, con ngoài giá thú. Ngoài ra, hộ của bà Thị C thời vào điểm cấp giấy chứng nhận gồm bà Thị C và các con của bà Thị C. Đây là đất gốc của ông nội cho cha mẹ ông vào khoảng năm 1959, cha mẹ ông quản lý, sử dụng từ đó cho đến nay; ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Công văn số 138/CV.PTNMT, ngày 05/5/2020, UBND huyện M trình bày như sau:

Vào ngày 24/9/2008 thành lập huyện C, đến ngày 01/01/2009 huyện C chính thức đi vào hoạt động, huyện M đã bàn giao toàn bộ hồ sơ, bản đồ, sổ sách liên quan đến đất đai cho huyện C để quản lý, nên không có cơ sở để cung cấp thông tin cho Tòa án.

Tại Công văn số 395/UBND-VP, ngày 21/5/2020, UBND huyện C trình bày như sau:

Việc UBND huyện M (Nay là huyện C) cấp giấy chứng nhận cho hộ Bà Thị C đối với thửa đất số 1811, tờ bản đồ số 03, diện tích 396m², đất tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là cấp đại trà theo đơn xin đăng ký QSDĐ của Bà Thị C ngày 17/3/2003, đúng đối tượng đăng ký.

Việc cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất số 1811, tờ bản đồ số 03 nêu trên cho hộ Bà Thị C là đúng trình tự, thủ tục tại thời điểm đăng ký, không đo đạc thực tế.

Thửa đất số 555, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là thửa gộp, thửa 1811 đăng ký từ một phần thửa gộp 555. Thửa gộp 05 nhà là thửa đất ban đầu gồm 05 nhà ở có chung một số thửa, khi xác định thửa đất đăng ký từ thửa đất ban đầu có 05 nhà sử dụng (thửa chung ban đầu là thửa 555).

UBND huyện C không có ý kiến đối với việc bà Danh Thị H yêu cầu hủy giấy chứng nhận nêu trên.

Ông Danh Q trình bày: Ông sinh năm 1965, từ khi sinh ra và lớn lên tại phần đất tranh chấp, cha mẹ ông đã sinh sống trên đất trước khi ông được sinh ra; đất tranh chấp là của cha mẹ ông, bà Danh Thị H nói cho mượn đất ở nhờ là không đúng; ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Danh Thị H.

Bà Danh Thị L trình bày: Đất tranh chấp là đất gốc của cha mẹ bà, được ông nội bà cho từ khoảng năm 1959 cho đến nay, bà Danh Thị H nói cho mượn

đất ở nhờ là không đúng; bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Danh Thị H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3, khoản 9 Điều 26, khoản 1, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 496 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 166, Điều 202, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Danh Thị H (Hên), về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M (nay là huyện C) cấp cho hộ bà Thị C ngày 13/5/2003, đối với diện tích 396m², thuộc thửa đất số 1811 (555), tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và yêu cầu bà Thị C và ông Danh Si N cùng liên đới tháo dỡ, di dời nhà cửa, vật kiến trúc và cây trồng trên đất trả lại phần đất có diện tích 396m² (theo đo đạc thực tế có diện tích 247,1m²), thuộc thửa đất số 1811 (555), tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; phần đất có số đo tứ cạnh như sau: Hướng đông giáp bà Lâm Thị T, có số đo 7,79m + 9,83m + 24,56m; Hướng tây giáp thửa đất số 1325, có số đo 17,58m + 24,19m; Hướng nam giáp đường tỉnh lộ 932 (nổi dài), có số đo 5,81m; Hướng bắc giáp bà Hàng Thị T, có số đo 6,64m (đính kèm sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 12/4/2021).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/4/2021, bà Danh Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Danh Thị H là nguyên đơn; bà Thị C, ông Danh Si N là bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến.

Tại Văn bản không số đề ngày 01/6/2022, ông Nguyễn Văn Q là Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày như sau:

Toà án cấp sơ thẩm chưa làm rõ thửa đất số 555 là của ai, trong khi các văn bản của cơ quan có thẩm quyền đều xác nhận có nguồn gốc của cha bà Danh Thị H là ông Danh Thị H1 (Thị Huôi); tại sao thửa 555 điều chỉnh thành thửa 1811. Bị đơn cho rằng phần đất tranh chấp là của cha mẹ cho từ năm 1959 và bị đơn ở cho đến nay là không có căn cứ, vì từ trước đến nay khu vực này chỉ có thửa 555. Thực tế, bà Thị C cũng có phần đất tại Bưng Chóp B, cách phần đất ở nhờ của bà Danh Thị H 400m, nhưng đã bán cho nhiều người khác (bây giờ là xưởng gỗ Tú Huệ). Bản án căn cứ vào lời khai của các nhân chứng - những người có quan hệ không tốt, mâu thuẫn với nguyên đơn là không khách quan. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho bà Thị C có sự giả mạo, như đơn đăng ký ghi “đăng ký hợp lệ, gốc đất của bà Thị C thửa 555...”, nhưng hồ sơ kỹ thuật thể hiện tại khu vực này chỉ có thửa 555 của bà Danh Thị H. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

1. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Danh Thị H làm trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

2. Về việc chấp hành pháp luật: Xét thấy, Thẩm phán chủ tọa phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn xét xử phúc thẩm.

3. Về yêu cầu kháng cáo: Tại cấp phúc thẩm, bà Danh Thị H không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Danh Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 12/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Danh Thị H làm trong hạn luật định. Bà Danh Thị H sinh năm 1958 là người cao tuổi theo Luật Người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Do đó, đơn kháng cáo của bà Danh Thị H đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Danh Thị H tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn và là người có kháng cáo bản án sơ thẩm. Ông Danh Si N tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn, đồng thời là người đại diện hợp pháp của Bà Thị C. Ông Nguyễn Văn Q tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Các ông bà nêu trên có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên và Luật sư, theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn, về việc yêu cầu bà Thị C và ông Danh Si N cùng liên đới tháo dỡ, di dời nhà cửa, vật kiến trúc và cây trồng trên đất để trả lại phần đất tranh chấp, nhận thấy:

Việc bà Danh Thị H (tên gọi khác là Hên) cho rằng phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông nội của bà, cho cha của bà là ông Huôi và gia đình bà sử dụng từ lúc bà mới sinh ra cho đến năm 2002 thì cho gia đình bà Thị C ở nhờ cho đến nay là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi các lý do sau đây:

[3.1] Bà Danh Thị H không xác định được thời điểm ông nội bà cho cha bà (ông Huôi); không xuất trình được tài liệu chứng minh việc cho gia đình Bà Thị C ở nhờ. Trong khi phía Bà Thị C không thừa nhận việc ở nhờ.

[3.2] Tại bút lục số 179, bà Thạch Thị C (là người mà bà Danh Thị H cho rằng biết việc bà Danh Thị H cho Bà Thị C ở nhờ) trình bày nguồn gốc phần đất tranh chấp giống như bà Danh Thị H trình bày. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bà Thạch Thị C xác định không biết việc bà Danh Thị H cho Bà Thị C mượn đất ở nhờ. Mặt khác, bà Thạch Thị C có mối quan hệ bà con với bà Danh Thị H, nên lời khai của bà Thạch Thị C là không khách quan.

[3.3] Tại các bút lục số 177, 342, 343, những người làm chứng gồm các ông bà Hàng Thị T, Danh Thị T, Hàng Thị C, Liêu Thị H đều xác định đất tranh chấp là đất gốc của cha mẹ chồng bà Thị C tặng cho bà Thị C trước giải phóng và bà Thị C quản lý, sử dụng từ đó cho đến nay.

[3.4] Bà Danh Thị H viện dẫn ý kiến của UBND xã An Hiệp trong đơn đăng ký đất ngày 17/3/2003 của Bà Thị C ghi “Đăng ký hợp lệ. Đất gốc của Bà Thị C thửa 555, thửa gộp 05 nhà DT 396m²” và 05 căn nhà trên thửa gộp này là nhà của bà Danh Thị H, nhà của ông Huôi (cha bà Danh Thị H), 02 căn nhà của em ruột bà Danh Thị H là ông Danh V và Danh T và căn nhà của bà Tâm, để kết luận rằng phần đất tranh chấp là thửa 555 của bà là không có căn cứ. Vì trước đây, bà Danh Thị H từng khởi kiện yêu cầu bà Tâm trả lại 90m² đất (thuộc thửa gộp 555), nhưng đã bị Tòa án hai cấp bác yêu cầu. Do đó, có căn cứ để xác định: Thửa gộp 05 nhà là thửa đất chung cho những người đang sinh sống trên đất của họ (tức thửa đất chung ban đầu), bao gồm nhà bà Chi (đã chuyển nhượng cho bà Tâm), nhà Bà Thị C và trên đất của bà Danh Thị H thì có nhà bà Danh Thị H, nhà ông Ven và nhà ông Tên; chứ không phải thửa 555 là của bà Danh Thị H.

[3.5] Sơ đồ hiện trạng thửa đất 555 không ghi tên ông Danh Thị H1 (cha bà Danh Thị H) mà ghi tên Danh Thị H1. Bà Danh Thị H cho rằng đó là do ghi nhầm. Tại bút lục số 353, bà Thạch Thị H1 (con gái của bà Danh Thị H1) xác định thửa đất số 555 không phải của bà Danh Thị H1, đất bà Danh Thị H1 nằm liền kề với đất Bà Thị C, nên sơ đồ hiện trạng thửa đất số 555 ghi tên bà Danh Thị H1 là không đúng.

[3.6] Theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do UBND xã An Hiệp cung cấp (bút lục số 357), thửa đất số 555 không ghi tên người sử dụng đất; theo sổ mục kê lập năm 2013 (bút lục số 358) và được cán bộ địa chính xã An Hiệp (bút lục số 349) xác định: Thửa đất số 555 gồm có: bà Danh Thị V (đã bị gạch bỏ) và bà Lâm

Thị Chi, diện tích 294m²; bà Thị C, diện tích 400m²; bà Danh Thị H, diện tích 400m² và sau đó được cập nhật chỉnh lý biến động (bút lục số 360) thì thửa đất số 555 gồm có: bà Danh Thị V (đã bị gạch bỏ) và bà Lâm Thị Chi, diện tích 294m², đổi thành thửa đất số 1962; “Bà Thị C, diện tích 400m², đổi thành thửa đất số 1811”; bà Danh Thị H1 và bà Lý Thị M (đã bị gạch bỏ), diện tích 400m², việc gạch bỏ tên là do có chỉnh lý biến động. “Việc này thể hiện bà Danh Thị H1 và bà Lý Thị Mai không có liên quan đến thửa đất số 555 và đã được đổi thành thửa đất số 1811”.

Từ những phân tích nêu trên, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Danh Thị H, về việc buộc bà Thị C, ông Danh Sĩ N cùng liên đới tháo dỡ, di dời nhà cửa, vật kiến trúc và cây trồng trên đất để trả lại phần đất tranh chấp là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, về việc yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện M (nay là huyện C) cấp cho hộ Bà Thị C ngày 13/5/2003, nhận thấy: Mặc dù hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Bà Thị C có những sai sót về chữ ký của các bên giáp ranh, nhưng giấy chứng nhận này được cấp dựa trên nguồn gốc đất của Bà Thị C như đã nhận định ở mục [3]; đồng thời được UBND huyện C xác định tại bút lục số 172 rằng, việc cấp giấy chứng nhận cho hộ Bà Thị C là cấp đúng đối tượng đăng ký, đúng trình tự, thủ tục tại thời điểm đăng ký và được những người làm chứng xác định. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà Danh Thị H là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy tại cấp phúc thẩm, bà Danh Thị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Danh Thị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới, làm thay đổi bản chất vụ án, do đó kháng cáo của bà Danh Thị H là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Danh Thị H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Danh Thị H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ khoản 3, khoản 9 Điều 26, khoản 1, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 496 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 166, Điều 202, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Danh Thị H (tên gọi khác là Hên), về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M (nay là huyện C) cấp cho hộ Bà Thị C ngày 13/5/2003, đối với diện tích 396m², thuộc thửa đất số 1811 (555), tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và yêu cầu bà Thị C và ông Danh Si N cùng liên đới tháo dỡ, di dời nhà cửa, vật kiến trúc và cây trồng trên đất trả lại phần đất có diện tích 396m² (theo đo đạc thực tế có diện tích 247,1m²), thuộc thửa đất số 1811 (555), tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Phần đất nêu trên có số đo tứ cạnh như sau: Hướng đông giáp bà Lâm Thị Tùng, có số đo 7,79m + 9,83m + 24,56m; Hướng tây giáp thửa đất số 1325, có số đo 17,58m + 24,19m; Hướng nam giáp đường tỉnh lộ 932 (nổi dài), có số đo 5,81m; Hướng bắc giáp bà Hàng Thị Tâm, có số đo 6,64m (đính kèm sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 12/4/2021).

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Danh Thị H.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Đương sự;
- Lưu (3), 21b (HQ).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Võ Văn Khoa